

Bản án số: 31/2025/DS - ST
Ngày 23 – 4 - 2025
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nghĩa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Thạch

Ông Nguyễn Hữu Thiện

Ghi biên bản phiên tòa: Bà Đào Thị Lệ Anh – Thư ký, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:
Bà Chế Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm dân sự thụ lý số 81/2024/TLST- DS ngày 04 tháng 7 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng tín dụng. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 89/2025/QĐ – ST ngày 17 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần B

Địa chỉ: Số A, đường Q, thành phố V, tỉnh Nghệ An

Đại diện theo pháp luật: Bà Thái H – Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần B; vắng mặt

Đại diện theo ủy quyền: Bà Lưu Thị H1 – Chuyên viên quan hệ khách hàng thuộc Ngân hàng Thương mại cổ phần B - Chi nhánh tỉnh Q.

Địa chỉ: Số B, đường T, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; có mặt

- Bị đơn: Ông Võ Văn N, sinh năm 1989; bà Nguyễn Thị Tuyết T, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn T, xã N (nay là xã L), huyện B, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt (ông N, bà T hiện đang cư trú tại nước ngoài không rõ địa chỉ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, Bản tự khai và tại phiên tòa Ngân hàng thương mại cổ phần B (viết tắt là Ngân hàng) trình bày: Năm 2023 vợ chồng ông Võ Văn N, bà Nguyễn Thị Tuyết T (viết tắt là bị đơn) ký kết hợp đồng tín dụng số

0000418086/2023/HĐTD – [B1.500](#) ngày 21/11/2023 với Ngân hàng để vay số tiền 1.600.000.000 đồng, thời hạn vay 120 tháng kể từ ngày 22/11/2023; lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 12,65%/năm. Từ ngày 29/02/2024 lãi suất cho vay bằng lãi suất cơ sở trả lãi cuối kỳ tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ lãi suất 3,9%/năm và được điều chỉnh 03 tháng/lần kể từ ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên. Thời hạn trả nợ gốc và nợ lãi vào ngày 25 hàng tháng.

Để đảm bảo vốn vay bị đơn đã ký kết hợp đồng thế chấp số 241/2021/HĐTC - [B1.500](#) ngày 05/5/2021; hợp đồng sửa đổi, bổ sung số PL01 - 241/2021/HĐTC - [B1.500](#) ngày 05/11/2021; hợp đồng sửa đổi, bổ sung số PL02 - 241/2021/HĐTC - [B1.500](#) ngày 16/12/2021; hợp đồng sửa đổi, bổ sung số PL03 - 241/2021/HĐTC - [B1.500](#) ngày 21/6/2022 là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 473, tờ bản đồ số 13 [xã N, huyện B](#) đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 399259 ngày 28/5/2019 của [Ủy ban nhân dân tỉnh Q](#).

Quá trình thực hiện hợp đồng Ngân hàng đã giải ngân cho bị đơn theo đúng hợp đồng, sau đó bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Để đảm bảo quyền lợi Ngân hàng yêu cầu buộc bị đơn trả nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 23/4/2025 với tổng số tiền 1.833.649.580 đồng. Tiếp tục tính lãi theo thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng, trường hợp ông [N](#), bà [T](#) không trả được nợ thì được xử lý tài sản thế chấp tại hợp đồng thế chấp số hợp đồng sửa đổi, bổ sung số PL03 - 241/2021/HĐTC - [B1.500](#) ngày 21/6/2022 là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 473, tờ bản đồ số 13 [xã N, huyện B](#) đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 399259 ngày 28/5/2019 của [Ủy ban nhân dân tỉnh Q](#) để thu hồi nợ.

Tại Công văn số 2983/CV - Q LXNC ngày 29/10/2024 của [Phòng Q Công an tỉnh Q](#) thì bị đơn ông [Võ Văn N](#) và bà [Nguyễn Thị Tuyết T](#) xuất cảnh ra nước ngoài lần gần nhất vào ngày 22/11/2023 đến nay chưa có thông tin nhập cảnh về Việt Nam.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt qua người thân của bị đơn, niêm yết các văn bản tố tụng và đăng trên kênh VOV5 [Đ](#) về việc Ngân hàng khởi kiện đối với bị đơn nhưng không có kết quả hồi âm của bị đơn.

Tại phiên tòa Ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn trả 1.833.649.580 đồng, trong đó nợ gốc 1.573.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn 225.497.701 đồng; nợ lãi quá hạn 22.184.790 đồng; phạt chậm trả 12.967.089 đồng. Tiếp tục buộc chịu lãi suất theo thỏa thuận đã ký kết và duy trì tài sản thế chấp tại hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án Ngân hàng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về dân sự; bị đơn đã được thực hiện các phương thức tổng đạt, niêm yết và đăng tin các văn bản tố tụng theo quy định. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của

Ngân hàng để buộc bị đơn trả nợ tính đến ngày 23/4/2025, bao gồm nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn và lãi phạt trên nợ lãi trong hạn theo yêu cầu của Ngân hàng. Buộc bị đơn tiếp tục trả tiền lãi trên số nợ gốc chưa trả từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết nợ gốc tại hợp đồng tín dụng đã ký kết; trường hợp bị đơn không trả được nợ thì đề nghị xử lý tài sản thế chấp của bị đơn đã ký kết để thu hồi nợ; buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng; Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Sau khi xem xét các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận, ý kiến của đương sự, của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngân hàng khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông [Võ Văn N](#) và bà [Nguyễn Thị Tuyết T](#) trả nợ gốc và nợ lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết năm 2023, tại Công văn số 2983/CV - QLXNC ngày 29/10/2024 của [Phòng Q Công an tỉnh Q](#) thì bị đơn ông [Võ Văn N](#) và bà [Nguyễn Thị Tuyết T](#) xuất cảnh ra nước ngoài lần gần nhất vào ngày 22/11/2023 đến nay chưa có thông tin nhập cảnh về Việt Nam. Theo quy định tại Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn nhưng đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; Tòa án đã thực hiện gửi các văn bản tố tụng qua người thân, niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú cuối cùng của bị đơn, thông báo lên Cổng thông tin điện tử của Tòa án và qua kênh đối ngoại VOV5 [Đ](#) nhưng không có kết quả; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[3] Quá trình thu thập chứng cứ và tranh tụng tại phiên tòa xác định, năm 2023 bị đơn đã ký kết hợp đồng tín dụng số 0000418086/2023/HĐTD – [B1](#).500 ngày 21/11/2023 với Ngân hàng để vay số tiền 1.600.000.000 đồng, thời hạn vay 120 tháng kể từ ngày 22/11/2023; lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 12,65%/năm. Từ ngày 29/02/2024 lãi suất cho vay bằng lãi suất cơ sở trả lãi cuối kỳ tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ lãi suất 3,9%/năm và được điều chỉnh 03 tháng/lần kể từ ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên. Thời hạn trả nợ gốc và nợ lãi vào ngày 25 hàng tháng.

[4] Theo các tài liệu do Ngân hàng giao nộp thì các bên ký kết hợp đồng hoàn toàn tự nguyện, đúng quy định của pháp luật. Quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn đã thanh toán được 70.154.804 đồng; trong đó trả nợ gốc 27.000.000 đồng, trả nợ lãi trong hạn 43.120.195 đồng và lãi chậm trả 34.609 đồng. Tính đến ngày 23/4/2025 (ngày xét xử sơ thẩm) bị đơn còn nợ Ngân hàng 1.833.649.580 đồng, trong đó nợ gốc 1.573.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn

225.497.701 đồng; nợ lãi quá hạn 22.184.790 đồng; lãi chậm trả 12.967.089 đồng. Do đó, việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số nợ gốc và nợ lãi trên là có căn cứ cần chấp nhận.

[5] Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng, bị đơn đã kết hợp đồng thế chấp số 241/2021/HĐTC - [B1.500](#) ngày 05/5/2021; hợp đồng sửa đổi, bổ sung số PL01 - 241/2021/HĐTC - [B1.500](#) ngày 05/11/2021; hợp đồng sửa đổi, bổ sung số PL02 - 241/2021/HĐTC - [B1.500](#) ngày 16/12/2021; hợp đồng sửa đổi, bổ sung số PL03 - 241/2021/HĐTC - [B1.500](#) ngày 21/6/2022 là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 473, tờ bản đồ số 13 [xã N, huyện B](#) đã được [Ủy ban nhân dân tỉnh Q](#) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 399259 ngày 28/5/2019. Hội đồng xét xử thấy, cần tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp này để thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bị đơn.

[6] Từ các phân tích trên thấy, việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền gốc và tiền lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết ngày 21/11/2023 là có căn cứ, do đó cần chấp nhận khởi kiện của Ngân hàng và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa để buộc bị đơn trả nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng tính đến ngày 23/4/2025 số tiền 1.833.649.580 đồng, trong đó nợ gốc 1.573.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn 225.497.701 đồng; nợ lãi quá hạn 22.184.790 đồng; lãi chậm trả 12.967.089 đồng.

[7] Quá trình thu thập chứng cứ chi phí thẩm định tố tụng hết 10.000.000 đồng, theo quy định tại khoản 3 Điều 180 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, buộc bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng này, do Ngân hàng đã nộp đủ chi phí này nên buộc bị đơn trả lại số tiền này cho Ngân hàng.

[8] Ngân hàng khởi kiện được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu 67.004.000 đồng (36.000.000 đồng + 3% giá trị vượt quá 800.000.000 đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[9] Ngân hàng có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Bị đơn ông [Võ Văn N](#) và bà [Nguyễn Thi Tuyết T](#) có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 3 Điều 180, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273, khoản 3 Điều 474, điểm b khoản 5 Điều 477 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng các Điều 117, 119, 317, 318, 335, 336, 463, 465, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của [Ngân hàng Thương mại cổ phần B](#) về việc yêu cầu ông [Võ Văn N](#), bà [Nguyễn Thị Tuyết T](#) trả nợ gốc, nợ lãi còn lại tại hợp đồng tín dụng đã ký kết số 0000418086/2023/HĐTD – [B1.500](#) ngày 21/11/2023.

2. Buộc ông [Võ Văn N](#) và bà [Nguyễn Thị Tuyết T](#) trả cho [Ngân hàng Thương mại cổ phần B](#) số tiền nợ gốc, nợ lãi còn lại tính đến ngày 23/4/2025 là 1.833.649.580 đồng (*Một tỷ, tám trăm ba mươi ba triệu, sáu trăm bốn mươi chín ngàn, năm trăm tám mươi đồng*); trong đó nợ gốc 1.573.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn 225.497.701 đồng; nợ lãi quá hạn 22.184.790 đồng; lãi chậm trả 12.967.089 đồng.

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (23/4/2025) cho đến khi thi hành án xong nợ gốc, ông [Võ Văn N](#) và bà [Nguyễn Thị Tuyết T](#) còn phải chịu thêm khoản tiền lãi, theo mức lãi suất đã thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng số 0000418086/2023/HĐTD – [B1.500](#) ngày 21/11/2023 đã ký kết giữa ông [Võ Văn N](#), bà [Nguyễn Thị Tuyết T](#) và [Ngân hàng thương mại cổ phần B](#).

4. Tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp số 241/2021/HĐTC - [B1.500](#) ngày 05/5/2021; hợp đồng sửa đổi, bổ sung số PL01 - 241/2021/HĐTC - [B1.500](#) ngày 05/11/2021; hợp đồng sửa đổi, bổ sung số PL02 - 241/2021/HĐTC - [B1.500](#) ngày 16/12/2021; hợp đồng sửa đổi, bổ sung số PL03 - 241/2021/HĐTC - [B1.500](#) ngày 21/6/2022 là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 473, tờ bản đồ số 13 [xã N, huyện B](#) đã được [Ủy ban nhân dân tỉnh Q](#) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 399259 ngày 28/5/2019 để đảm bảo việc trả nợ của ông [Võ Văn N](#), bà [Nguyễn Thị Tuyết T](#).

5. Trường hợp ông [Võ Văn N](#), bà [Nguyễn Thị Tuyết T](#) không trả nợ hoặc trả không hết nợ thì [Ngân hàng Thương mại cổ phần B](#) tự mình hoặc yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản theo hợp đồng thế chấp số 241/2021/HĐTC - [B1.500](#) ngày 05/5/2021; hợp đồng sửa đổi, bổ sung số PL01 - 241/2021/HĐTC - [B1.500](#) ngày 05/11/2021; hợp đồng sửa đổi, bổ sung số PL02 - 241/2021/HĐTC - [B1.500](#) ngày 16/12/2021; hợp đồng sửa đổi, bổ sung số PL03 - 241/2021/HĐTC - [B1.500](#) ngày 21/6/2022 là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 473, Tờ bản đồ số 13 [xã N, huyện B](#) đã được [Ủy ban nhân dân tỉnh Q](#) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 399259 ngày 28/5/2019 để thu hồi nợ.

6. Ông [Võ Văn N](#) và bà [Nguyễn Thị Tuyết T](#) phải chịu 10.000.000 đồng chi phí tố tụng; do [Ngân hàng Thương mại cổ phần B](#) đã nộp đủ nên buộc ông [N](#), bà [T](#) có nghĩa vụ trả lại 10.000.000 đồng chi phí tố tụng cho [Ngân hàng thương mại cổ phần B](#).

7. Ông Võ Văn N và bà Nguyễn Thị Tuyết T phải chịu 67.004.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng Thương mại cổ phần B được nhận lại 30.697.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0004968 ngày 28/6/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B có mặt tại phiên tòa biết, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 23/4/2025; ông Võ Văn N và bà Nguyễn Thị Tuyết T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- CTHADS tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Nghĩa

